

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ANH LINH VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ANH LINH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108336566

**3. Ngày thành lập:** 22/06/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

31/2 ngách 3/10, ngõ 10, Đội 1, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966717117

Fax:

Email: thanhhuyen301079@gmail.com Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4723     |
| 2.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7912     |
| 3.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1071     |
| 4.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4722     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>-Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>-Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>-Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>-Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>-Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>-Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>-Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao. | 4649     |
| 6.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933     |
| 7.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết:<br>-Nhà hàng, quán ăn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5610     |
| 8.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5621     |
| 9.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: không bao gồm kinh doanh quầy bar và chỉ kinh doanh theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5630     |
| 10. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1030     |
| 11. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1050     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1075        |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610        |
| 14. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4632(Chính) |
| 15. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các công ty, xí nghiệp, trường học...;<br>- Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. | 5629        |
| 16. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                         | 7920        |
| 17. | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1101        |
| 18. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                               | 4620        |
| 19. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4633        |
| 20. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4721        |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                  | 4931        |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;<br>- Hoạt động của cáp treo, đường sắt leo núi.                                           | 4932        |
| 23. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7911        |
| 24. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại                                                                                                                                                                                                          | 4719        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THANH HUYỀN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 30/10/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011963074

Ngày cấp: 21/12/2012

Nơi cấp: Công an Tp.Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 31/2 ngách 3/10, ngõ 10, Đội 1, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 31/2 ngách 3/10, ngõ 10, Đội 1, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THANH HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 30/10/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011963074

Ngày cấp: 21/12/2012

Nơi cấp: Công an Tp.Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 31/2 ngách 3/10, ngõ 10, Đội 1, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 31/2 ngách 3/10, ngõ 10, Đội 1, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội